

BÁO CÁO
Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định

Thực hiện Công văn số 37/SNN-KHTH ngày 06/01/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định về việc báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024.

Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý tài sản công; và Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực tài chính trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Trên cơ sở báo cáo của các hạt kiểm lâm, Đội Kiểm lâm cơ động và PPCCR; Chi cục Kiểm lâm báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024, cụ thể như sau:

1. Thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024 theo quy định tại khoản 2 Điều 125, Điều 130 và Điều 131 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

1.1. Nội dung báo cáo.

a) Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công:

- Thực trạng công tác quản lý, sử dụng tài sản công của Chi cục Kiểm lâm:

Quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện theo quy chế của cơ quan, đơn vị. Công tác quản lý trụ sở làm việc được chủ động từ việc xây dựng kế hoạch cho đến việc chấp hành nguồn vốn ngân sách nhà nước được giao đảm bảo phù hợp với quá trình đầu tư sửa chữa trụ sở làm việc các hạt kiểm lâm, các trạm kiểm lâm. Xe ô tô lực lượng Kiểm lâm được sử dụng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng; việc quản lý ô tô thực hiện theo quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô công trong cơ quan nhà nước đảm bảo đúng quy định nhà nước.

Các hạt kiểm lâm, Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR thực hiện đầy đủ các báo cáo, thống kê và định kỳ kiểm kê tài sản công theo qui định.

- Đánh giá những mặt tích cực, hiệu quả, những tồn tại, sai phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công:

+ Những mặt tích cực, hiệu quả:

* Để đáp ứng yêu cầu công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy rừng; từng bước đầu tư, nâng cấp về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các đơn vị trực thuộc; việc quản lý, sử dụng tài sản công được đầu tư có hiệu quả.

Chi cục Kiểm lâm đã triển khai bảo dưỡng, sửa chữa 05 trụ sở làm việc, gồm: Hạt Kiểm lâm huyện Phù Cát, Hạt Kiểm lâm liên huyện Tuy Phước – Quy Nhơn; các trạm kiểm lâm: Hoài Hoài Hảo, Vĩnh Sơn và Mỹ Trinh; quy mô sửa chữa nhà làm việc, tường rào cổng ngõ, sân nền; tổng dự toán kinh phí khoảng 1,8 tỷ đồng, từ nguồn kinh phí hành chính được giao. UBND tỉnh cho chủ trương đầu tư mua 01 xe ô tô bán tải phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng và bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

* Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đúng tiêu chuẩn, định mức; đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả.

+ Những tồn tại:

Hiện nay, nhiều trụ sở làm việc một số trạm kiểm lâm được xây dựng đã lâu bị xuống cấp, hư hỏng nặng, nhưng chưa được đầu tư sửa chữa kịp thời.

b) Kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng tài sản công:

Để đảm bảo điều kiện làm việc, sinh hoạt và đảm bảo an toàn cho công chức, người lao động làm nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng, và phòng cháy chữa cháy rừng của các trạm kiểm lâm; Chi cục Kiểm lâm đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm trình cơ quan chức năng thực hiện chủ trương đầu tư và bố trí vốn để xây dựng các công trình hư hỏng xuống cấp trầm trọng.

1.2. Mẫu biểu báo cáo

Biểu mẫu báo cáo theo Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý tài sản công, cụ thể:

- Báo cáo kê khai xe ô tô (có Mẫu số 04b-ĐK/TSC kèm theo).

- Báo cáo kê khai tài sản cố định khác các đơn vị (có Mẫu số 04c-ĐK/TSC kèm theo).

2. Công khai tài sản công năm 2024 theo quy định tại Điều 122, Điều 123 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ

Các đơn vị trực thuộc Chi cục thực hiện công khai tình hình sử dụng, điều chuyển, thanh lý và các hình thức xử lý khác đối với tài sản công theo hình thức niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của đơn vị. Biểu mẫu công khai tài sản công thực hiện theo quy định tại Thông tư số 144/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính; cụ thể:

- Công khai tình hình mua sắm tài sản công (có Mẫu số 09a-CK/TSC kèm theo).

- Công khai tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (có Mẫu số 09b-CK/TSC kèm theo).

- Công khai tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô và tài sản cố định khác (có Mẫu số 09c-CK/TSC kèm theo).

Chi cục Kiểm lâm báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024 cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biết, chỉ đạo ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị trực thuộc Chi cục;
- Lưu: VT, TCHC (03b).

CHI CỤC TRƯỞNG

Lê Đức Sáu

Bộ, tỉnh: **Bình Định**
Cơ quan quản lý cấp trên: **Sở Nông nghiệp và PTNT**
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: **Chi cục Kiểm lâm**
Mã đơn vị: **1010495**
Loại hình đơn vị: **Quản lý nhà nước**

Mẫu số **09b-CK/TSC**

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
NĂM 2024

ST T	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m ²))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Sử dụng khác	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Cơ quan Chi cục Kiểm lâm; số 24 Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn	294	5.006.820	294						1997	843	2.875.623	2.526.024	843							
2	Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR; khu vực 8, phường Nhơn Phú, TP Quy Nhơn	4.670,2	16.439.104	4.670,2						2007	753,5	3.409.062	1.355.320	753,5							
3	Hạt Kiểm lâm huyện An Lão; Thôn 2, Thị trấn An Lão, huyện An Lão	1.940,9	465.816	1.940,9						2017	530	4.500.692		530							
4	Trạm Kiểm lâm An Hòa; Thôn Xuân Phong Nam, Xã An Hòa, huyện An Lão	300	189.000	300						2019		1.863.631									
5	Trạm Kiểm lâm An Quang; Thôn 2, Xã An Quang, huyện An Lão	1.600	128.000	1.600						2010	173	1.802.960		173							
6	Hạt Kiểm lâm thị xã An	899	1.829.465	899						2003	359	1.026.271		359							

	Nhon; 369 Võ Nguyên Giáp, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn								(2020)											
7	Trạm Kiểm lâm An Trường; Thôn Thọ Tân Bắc, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn	2.613	546.117	2.613					2018		1.883.465									
8	Hạt Kiểm lâm huyện Phù Cát; Thôn Hòa Hội, xã Cát Hanh, huyện Phù Cát	1.150	1.667.500	1.150					1995 (2019)	429	710.133		429							
9	Trạm Kiểm lâm Cát Sơn; Thôn An Diêm, xã Cát Lâm, huyện Phù Cát	100	17.500	100					2006	188	398.707		188							
10	Trạm Kiểm lâm Cát Hải; Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải, huyện Phù Cát	2.560	691.200	2.560					2010		1.467.397									
11	Hạt Kiểm lâm huyện Phù Mỹ; Thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ	793	1.149.850	793					1995 (2006)	349	889.557		349							
12	Trạm Kiểm lâm Tân Phụng; Xã Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ	4.000	500.000	4.000					2014		3.228.646									
13	Trạm Kiểm lâm Mỹ Trinh; Xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ	478,7	129.249	478,7					2012		2.310.928									
14	Hạt Kiểm lâm huyện Hoài Ân; 134 Nguyễn Tất Thành, Thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân	1.006	1.810.800	1.006					1995 (2016)	442	1.801.303		442							
15	Trạm Kiểm lâm Ân Mỹ; Thôn Trà Công, xã Ân Hảo Đông, huyện Hoài Ân	378	264.600	378					2019		2.138.773									
16	Trạm Kiểm lâm Ân Tường; Thôn Tân Thanh, xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân	164	114.800	164					2005		134.061									
17	Trạm Kiểm lâm Suối Bà Nhỏ; Thôn Trà Công, xã Ân Hảo Đông, huyện Hoài Ân	1.050	367.500	1.050					2006		412.083									
18	Hạt Kiểm lâm thị xã Hoài	401,6	1.365.440	401,6					1995	298	701.886		298							

	Nhon; 220 Quang Trung, TT Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn									(2008)										
19	Trạm Kiểm lâm Hoài Phú; Thôn Mỹ Bình, xã Hoài Phú, huyện Hoài Nhơn	833	249.900	833						2003		178.670								
20	Hạt Kiểm lâm huyện Tây Sơn; Số 420 Quang Trung, Thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn	875	2.887.500	875						2000	370	630.710		370						
21	Trạm Kiểm lâm Tây Phú; Thôn Phú Lâm, xã Tây Phú, huyện Tây Sơn	1.000	165.000	1.000						2004		310.886								
22	Trạm Kiểm lâm Đồng Le; Làng Giọt II, xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn	858	141.570	858						2022		1.029.398								
23	Trạm Kiểm lâm Tây Thuận; Thôn Thượng Sơn, xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn	502,7	414.727	502,7						1999		57.866								
24	Trạm Kiểm lâm Bắc Sông Côn	500	165.000	500						2022		901.251								
25	Hạt Kiểm lâm liên huyện Tuy Phước – TP. Qui Nhơn; Thôn Ngọc Thạnh 2, xã Phước An, huyện Tuy Phước	408	897.600	408						1999 (2018)	328	1.082.916		328						
26	Trạm Kiểm lâm Long Mỹ; Thôn Thanh Long, xã Phước Mỹ, TP. Quy Nhơn	300	120.000	300						2022		1046.083								
27	Hạt Kiểm lâm huyện Vân Canh; Hiệp Hội, thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh	675	297.000	675						1999 (2020)	335	501.452		335						
28	Trạm Kiểm lâm huyện Canh Hiền; Thôn Hiền Đông, xã Canh Hiền, huyện Vân Canh	1.600	480.000	1.600						1992		56.786								
29	Trạm Kiểm lâm huyện Canh Vinh; Xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	1.545	525.300	1.545						2017		3.305.720								

[illegible]

Bộ, tỉnh: **Bình Định**
Cơ quan quản lý cấp trên: **Sở Nông nghiệp và PTNT**
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: **Chi cục Kiểm lâm**
Mã đơn vị: **1010495**
Loại hình đơn vị: **Quản lý nhà nước**

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC
NĂM 2023

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh , liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô													
1	Xe ô tô bán tải Ford - ranger XLT 77B – 0367	Đội Kiểm cơ động và PCCCR	01	518.100	518.100		68.855		Đang sử dụng					
2	Xe ô tô bán tải Ford - ranger XLT 77B – 0772	Hạt Kiểm huyện An Lão	01	518.900	518.900		68.961		Đang sử dụng					
3	Xe ô tô bán tải Ford - ranger XLT 77M – 000.27	Hạt Kiểm lâm thị xã An Nhơn	01	583.500	583.500		58.291		Đang sử dụng					
4	Xe ô tô bán tải Ford - ranger XLT 77B – 1005	Hạt Kiểm huyện Hoài Ân	01	584.400	584.400		58.469		Đang sử dụng					
5	Xe ô tô bán tải Ford - ranger XLT 77B - 0318	Hạt Kiểm lâm thị xã Hoài Nhơn	01	594.000	594.000		79.942		Đang sử dụng					
6	Xe ô tô bán tải Ford - ranger XLT 77B - 1386	Hạt Kiểm lâm huyện Phù Cát	01	584.400	584.400		77.666		Đang sử dụng					

[illegible]